TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Đoàn Thị Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Không tham gia. Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm: 1991 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Ấp HG, xã ML, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Hửu N, sinh năm: 1987 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ H trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh Đỗ Hửu N chung sống với nhau từ cuối năm 1996 và cả hai không có thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Trước khi chung sống, chị và anh N có tìm hiểu nhau trước rồi mới tổ chức đám cưới bên gia đình của chị, chị và anh N đến với nhau là tự nguyện không ai cưỡng ép. Sau khi đám cưới, chị và anh N về sống bên gia đình anh N tại ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian chị và anh N chung sống thì cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh N luôn bất đồng quan điểm

sống với nhau, trong cuộc sống hàng ngày luôn xảy ra cự cãi, bất đồng giữa chị và anh N ngày càng trầm trọng và nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn được. Chị và anh N ly thân từ khoảng 01 năm nay. Sau khi ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột chị ở cho đến nay.

Chị H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hửu N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung tên Đỗ Phúc L (sinh ngày 12/7/2017, giới tính nam), hiện nay anh N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu L cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng theo khả năng kinh tế của chị.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh N không tạo lập được tài sản chung gì.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Hửu N trình bày và yêu cầu như sau:* Qua lời trình bày của chị H về ngày chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, nguyên nhâu mâu thuẫn và thời gian ly thân của anh và chị H là đúng.

Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Mỹ H.

Về quan hệ con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, chị H yêu cầu*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về quan hệ con chung*: Đồng ý giao cháu L cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các văn bản tố tụng đến bị đơn anh Đỗ Hửu N và Tòa án nhận được văn bản thể hiện ý kiến của

anh N đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Sau khi tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án tiến hành các thủ tục đưa vụ án ra xét xử thì anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận công việc gia đình không thể tham gia phiên tòa. HĐXX xét thấy đơn đề nghị của anh N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Mỹ H và anh Đỗ Hửu N chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) và cho đến khi chị Mỹ H có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với anh N thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn như vậy là vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 mặc dù chị H và anh N chung sống trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh N.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký được kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...".*

[3] *Về con chung:* Tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2018, chị H và anh N thỏa thuận và thống nhất, giao cháu Đỗ Phúc L (*sinh ngày 12/7/2017, giới tính nam*) cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị H và anh N xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Chị Phan Thị Mỹ H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] *Quyền kháng cáo*: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Mỹ H và anh Đỗ Hửu N là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh N, tiếp tục giao cháu Đỗ Phúc L (*sinh ngày 12/7/2017, giới tính nam*) cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008790 ngày 08/6/2018 của Chi cục thi hành án huyện An Minh. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 29/6/2018).

Riêng anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.